

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT ÁP DỤNG CHO
GIAI ĐOẠN 2020 - 2024 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÚ TÂN**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND
ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ:

I. Giới hạn đô thị: Toàn bộ địa giới hành chính của thị trấn Phú Mỹ và thị trấn Chợ Vàm.

II. Giá đất phân theo vị trí, phân loại đường phố:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đường phố	Giới hạn từ ... đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
A	THỊ TRẤN PHÚ MỸ					
I	ĐƯỜNG LOẠI 1					
1	Đường Chu Văn An	Ngã 3 hẻm 4 - ngã 3 hẻm 6 (VP. Ban áp Mỹ Lương)	1	2.200	2.650	Tăng giá
		Bến Tàu - Đình Phú Mỹ	1	2.200	2.650	Tăng giá
2	Đường Trường Chinh - Trần Phú - Nguyễn Văn Cừ	Từ đường Chu Văn An - đến đường Tôn Đức Thắng, kể cả 02 lô nền đối diện chợ	1	3.000	3.600	Tăng giá
II	ĐƯỜNG LOẠI 2					
3	Đường Chu Văn An	Ngã 3 hẻm 6 (VP. Ban áp Mỹ Lương) - Bến Tàu	2	1.500	1.800	Tăng giá và gộp 03 đoạn thành 01 đoạn: + Đường Chu Văn An (Ngã 3 hẻm 6 (VP. Ban áp Mỹ Lương) - Đường cặp Tổ Đình). + Đường Chu Văn An (Hẻm Tổ Đình - hẻm 31). + Đường Chu Văn An (Hẻm 31 - bến tàu hiện hữu).
		Ngã tư bến xe huyện - Đình Phú Mỹ	2	1.500	1.800	Tăng giá và gộp 02 đoạn thành 01 đoạn: + Đường Chu

TT	Tên đường phố	Giới hạn từ ... đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
						Văn An (Đình Phú Mỹ - công chính trường Chu Văn An). + Đường Chu Văn An (Từ công chính trường Chu Văn An - ngã 4 bên xe huyện).
		Ngã 3 hẻm 4 - cầu sắt (rạch Cái Tắc)	2	1.100	1.320	Tăng giá và chuyển thành đường loại 2
4	Đường Tôn Đức Thắng	Cầu đúc Cái Tắc - Ngã 4 bên xe huyện	2	1.700 1.600	2.040	Tăng giá và gộp 02 đoạn thành 01 đoạn: + Đường Tôn Đức Thắng (Cầu đúc Cái Tắc - cửa hàng Honda Anh Thư) + Đường Tôn Đức Thắng (Cửa hàng Honda Anh Thư - Ngã 4 bên xe huyện)
5	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Ngã 3 hẻm 4 - ngã 4 Mỹ Lương	2	1.700	2.040	Tăng giá
		Từ ngã 4 Mỹ Lương - hết ranh Bệnh viện	2	1.500	1.800	Tăng giá
6	Khu vực chợ Mỹ Lương	Hai dãy phố chợ Mỹ Lương - hẻm số 3	2	1.300	1.600	Tăng giá
7	Khu vực chợ Đình	Hai dãy phố chợ cá bờ sông Tiền	2	1.300	1.600	Tăng giá
		Hai dãy phố nhà lồng chợ Đình	2	1.500	1.800	Tăng giá
8	Khu vực công viên	Khu vực công viên đến bờ sông Tiền - giáp ranh xã Tân Trung	2	1.300	1.600	Tăng giá
9	Khu vực TTTM	Các đường còn lại (Nguyễn Văn Linh, Lê Duẩn, Hà Huy	2	2.500	3.000	Tăng giá

TT	Tên đường phố	Giới hạn từ ... đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Tập, Lý Tự Trọng, Phạm Văn Đồng, Võ Văn Tần, Kim Đồng, Nguyễn Thị Minh Khai, Lê Hồng Phong, Võ Thị Sáu)				
10	Đường Trần Văn Thành	Tuyến dân cư Phú Mỹ (Từ ngã ba đường Tôn Đức Thắng và đường Trần Văn Thành - ĐT 954)	2	1.400	1.700	Tăng giá và chuyển thành đường loại 2
11	Đường Nguyễn Trung Trực	Tuyến dân cư Phú Mỹ mở rộng (Từ đường Trần Văn Thành - đường Hải Thượng Lãn Ông)	2	1.400	1.700	Tăng giá và chuyển thành đường loại 2
12	Đường Lê Duẩn	Chu Văn An - Lê Hồng Phong	2	2.500	3.000	Tăng giá và chuyển thành đường loại 2
13	Đường Trương Định	Đường Tôn Đức Thắng - đường ngành rền	2	3.000	3.000	Điều chỉnh từ đường loại 3 thành đường loại 2
14	Đường tỉnh 954	Từ ngã 4 bên xe - hết ranh An Hòa Tự	2	1.000	1.200	Tăng giá và chuyển thành đường loại 2
		Hết ranh An Hòa Tự - Cầu Chín Mì	2	700	960	Tăng giá và chuyển thành đường loại 2
15	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Từ ngã 3 nhà văn hóa huyện - Đội Điều tra (Đường Tôn Đức Thắng - Đội Điều tra)	2	500	1.800	Tăng giá và chuyển thành đường loại 2
III	ĐƯỜNG LOẠI 3					
16	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Từ ranh Bệnh viện - hết ranh trạm biển áp 110	3	1.100 800	1.320	Tăng giá và gộp 02 đoạn thành 01 đoạn: + Đường Hải Thượng Lãn Ông (Từ ranh Bệnh viện - hết

TT	Tên đường phố	Giới hạn từ ... đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
						ranh UBND huyện cũ) + Đường Hải Thượng Lãn Ông (Từ UBND huyện cũ - hết ranh trạm biến áp 110)
17	Đường số 4 cấp Công An huyện	Từ đường Tôn Đức Thắng - Chu Văn An (đường cấp Tổ đình)	3	600	720	Tăng giá
		Từ đường Tôn Đức Thắng - Nguyễn Trung Trực	3	800	960	Tăng giá
18	Đường ngành rên	Từ ngã 3 Bến Tàu - ngã 3 Tấn Lễ	3	730	900	Tăng giá
19	Đường ông Ba Tợ	Từ ngã 3 đường ngành rên - Nguyễn Trung Trực	3	750 1.000	1.200	Tăng giá và gộp 02 đoạn thành 01 đoạn: + Đường ông Ba Tợ (Từ ngã 3 đường ngành rên -đường Tôn Đức Thắng) + Đường ông Ba Tợ (Từ đường Tôn Đức Thắng - Nguyễn Trung Trực)
20	Đường tỉnh 954	Cầu Cái Tắc đi Phú Thọ - giáp ranh Phú Thọ	3	800 700	960	Tăng giá và gộp 02 đoạn thành 01 đoạn: + Đường tỉnh 954 (Cầu Cái Tắc đi Phú Thọ - ngã 3 hẻm nước mắt cũ) + Đường tỉnh 954 (Ngã 3 hẻm nước mắt cũ - giáp ranh Phú Thọ)
21	Tiếp giáp giao thông	Hết ranh trạm biến áp 110 - Phú Hưng	3	600	720	Tăng giá

TT	Tên đường phố	Giới hạn từ ... đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
	nông thôn, đường liên xã	Từ cầu Nguyễn Trung Trực - Cầu sắt lên phòng giáo dục (cũ)	3	350	420	Bổ sung đoạn “Cầu đúc Cái Tắc - Cầu sắt lên phòng giáo dục (cũ)” và gộp vào đoạn “Từ cầu Cái Tắc-đầu tuyến dân cư Phú Mỹ, Phú Thọ” thành đoạn “Từ cầu Nguyễn Trung Trực-Cầu sắt lên phòng giáo dục (cũ)” và tăng giá.
		Cầu Nguyễn Trung Trực - giáp ranh Phú Hưng (bắc Cái Tắc)	3	300	360	Tăng giá và sửa tên giới hạn: Đầu tuyến dân cư Phú Mỹ, Phú Thọ thành Cầu Nguyễn Trung Trực
		Khu vực ấp Thượng 1	3	270	330	Tăng giá
22	Khu vực còn lại	Chỉ tính 1 vị trí	3	150	180	Tăng giá
B	THỊ TRẤN CHỢ VÀM					
I	ĐƯỜNG LOẠI 2					
1	Đường tỉnh 954	Ngã 3 đường phà - hết ranh Ngân hàng Nông nghiệp chi nhánh Chợ Vàm	2	1.300 1.200	1.560	Tăng giá và gộp 03 đoạn thành 01 đoạn: + Đường tỉnh 954 (Văn phòng ấp Phú Xương - ngã ba đường vào Chợ). + Hướng Tây (Văn phòng ấp Phú Xương - ngã ba đường Phà). + Hướng Nam (Từ ngã 3 đường vào chợ - hết ranh Ngân hàng

TT	Tên đường phố	Giới hạn từ ... đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
						Nông nghiệp chi nhánh Chợ Vàm)
		Ngã 3 đường phà - công trường THPT Nguyễn Chí Thanh	2	800	960	Tăng giá
		Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh Chợ Vàm - hết ranh trường tiểu học A (điểm chính)	2	800	960	Tăng giá
		Các đoạn còn lại	2	700	850	Tăng giá
2	Đường vào chợ	Hai dãy phố nhà lồng Chợ từ tỉnh lộ 954 - bến Cầu	2	1.200	1.450	Tăng giá
II	ĐƯỜNG LOẠI 3					
3	Đường Dự định 4	Ngã tư Đình - bến Cầu	3	500	600	Tăng giá
4	Đường xuống phà An Hoà	Đường từ Bến xe - Bến Phà	3	500 800	800	Gộp đoạn: + Đường xuống phà An Hoà (Đường từ Bến xe - Ngã tư Đình) + Đường xuống phà An Hoà (Ngã tư Đình - Bến Phà)
5	Hướng Đông	Cuối đường Chành Gòn mép Sông Tiền - vách kho Vương Yên hiện hữu	3	300	360	Tăng giá
6	Tiếp giáp giao thông nông thôn, đường liên xã	Khu dân cư ấp Phú Vinh	3	550	660	Tăng giá và điều chỉnh giới hạn: từ “Ngã 3 đường vòng ấp Phú Hiệp - Cuối khu dân cư ấp Phú Vinh” thành “Khu dân cư ấp Phú Vinh”
		Từ ngã 3 đường vòng ấp Phú Hiệp - ranh xã Phú Thạnh	3		300	Bổ sung mới

TT	Tên đường phố	Giới hạn từ ... đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		(đường lộ sau)				
		Các đoạn đường còn lại	3	200	300	Tăng giá
7	Khu vực còn lại	Chỉ tính 1 vị trí	3	150	180	Tăng giá

B. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Khu vực	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
I	Xã Bình Thạnh Đông			
1	Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông			
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp mặt tiền đường huyện, giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (sông Hậu, kênh cấp I, cấp II)			
-	Từ cầu Bình Hiệp - cầu Mương Khai	300	300	Điều chỉnh tên giới hạn: “Từ cầu Bình Minh - cầu Mương Khai” thành “Từ cầu Bình Hiệp - cầu Mương Khai”
-	Đường Tây Cái Đầm (Đoạn từ cầu Bình Hiệp - cầu Cái Đầm)	150	150	Điều chỉnh tên giới hạn: “Đoạn từ Cầu Sắt - Nhà Giàng” thành “Đoạn từ cầu Bình Hiệp - cầu Cái Đầm”